

Bản án số: 26/2024/DSST

Ngày: 30/7/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Trương Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 237/2023/TLST-DS ngày 14/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-DS ngày 15/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-DS ngày 14/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-DS ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Yến L, sinh năm 1971 và anh Lê Huỳnh Thiên Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. (Bà L có mặt, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hiền L1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. (ông L1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của của nguyên đơn bà Trần Thị Minh H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 10/01/2023, bà Huỳnh Thị Yến L và anh Lê Huỳnh Thiên Q vay của bà Trần Thị Minh H số tiền 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Khi vay thì bà L và anh Q nói là chỉ vay thời hạn ngắn (khoảng hơn 01 tháng) và vay để làm ăn nên sẽ trả lãi với mức 2%/tháng, thời hạn vay là từ ngày 10/01/2023 đến ngày 30/02/2023.

Vì thấy gia đình bà L có điều kiện, nhà cửa đàng hoàng, nhiều vườn, và nhiều rẫy cà phê, có cả Đ, lại vay với thời hạn ngắn nên bà H đã tin tưởng và cho bà L, anh Q vay tiền. Ông Lê Hiền L1 không tham gia vay tiền và ký Giấy vay tiền.

Nhưng khi đến hạn bà H yêu cầu bà L1, anh Q trả lại tiền gốc và lãi nêu trên thì mãi đến ngày 10/03/2023, bà L1 chỉ trả cho bà H số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền nợ gốc. Còn nợ lại số tiền nợ gốc 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh thì bà L1, anh Q không trả, bà L1 đưa ra nhiều lý do để thoái thác. Khi bà H vào nhà hỏi nợ thì bà L1 thách thức, nói rằng muốn làm gì thì làm.

Mặc dù gia đình bà L1 và anh Q có rất nhiều tài sản, đủ điều kiện để trả nợ nhưng cố tình không trả.

Số tiền nợ gốc, nợ tạm tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 30/4/2023, bà L1, anh Q còn nợ bà H cụ thể như sau:

- Lãi trên nợ gốc 360.000.000 đồng tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 10/03/2023 là: $360.000.000 \text{ đồng} \times 1,66 \% / \text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 11.952.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ gốc còn lại 344.000.000 đồng tạm tính từ ngày 10/03/2023 đến ngày 30/6/2023 là: $344.000.000 \text{ đồng} \times 1,66 \% / \text{tháng} \times 03 \text{ tháng} + 20 \text{ ngày} \times 0,055 \% / \text{ngày} = 17.131.200 \text{ đồng} + 3.784.000 \text{ đồng} = 20.915.200 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/6/2023 là: 376.867.200đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Yến L và anh Lê Huỳnh Thiên Q phải trả cho bà H số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 30/6/2023 là: 376.867.200đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng) và tiếp tục tính lãi suất theo quy định của pháp luật tính đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa bà H giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc bà L và anh Q phải trả số tiền nợ gốc 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và lãi suất phát sinh tính từ ngày 10/01/2023 đến nay, khấu trừ đi số tiền lãi 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bà L đã trả trước đó. Ngoài ra bà H không yêu cầu gì thêm.

Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Huỳnh Thị Yến L trình bày:

Bà Huỳnh Thị Yến L mở đại lý kinh doanh nông sản, nên khi cần trừ tiêu và cà phê thì bà L vay tiền để tích trữ. Tuy nhiên sau đó do giá cả biến động nên gia đình bà mất khả năng trả nợ. Bà L thừa nhận có vay bà H (dưới hình thức gửi) số tiền cụ thể như sau:

Ngày 26/4/2022 bà H có gửi bà L số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 03/6/2022 bà H có gửi bà L số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 13/6/2022 bà H có gửi bà L số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bà H đã gửi cho bà L là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng), đồng thời bà L cung cấp cho Tòa án 03 phiếu thu ngày 26/4/2022, 03/6/2022 và ngày 13/6/2022.

Ngày 16/12/2022 bà L đã trả cho bà H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà L giao nộp 01 phiếu chi ngày 16/12/2022.

Ngày 10/01/2023 hai bên tiến hành chốt nợ với và lập hợp đồng vay tiền với số

tiền 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngày 17/01/2023 bà **L** trả cho bà **H** số tiền lãi 5.000.000đ (Năm triệu đồng), sau đó bà **L** có trả thêm cho bà **H** số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) nhưng không nhớ thời gian cụ thể.

Bà **L** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **H** và thừa nhận hiện còn nợ bà **H** số tiền gốc là 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, bà **L** chấp nhận việc bà **H** đã khấu trừ số tiền đã trả 5.000.000 đồng vào số tiền nợ lãi và 16.000.000 đồng vào tiền nợ gốc.

Bà **L** trình bày số tiền bà **H** gửi vào năm 2022 theo các phiếu chi bà đã giao nộp cho Tòa án, ngày 01/10/2022 chỉ chốt nợ các khoản tiền gửi trước đó, việc vay tiền của bà **H** chỉ một mình bà **L** thực hiện, anh **Q** và ông **L** (là con và chồng của bà **L**) không biết gì về việc vay tiền và không tham gia vào việc vay tiền của bà **L**, khi gia đình bà **L** vỡ nợ thì bà **H** có yêu cầu anh **Q** ký xác nhận nợ cùng với bà **L**, do bà **L** và anh **Q** là mẹ con nên anh **Q** đã đồng ý xác nhận nợ cùng với bà **L**.

Tại phiên tòa hôm nay, bà **L** chấp nhận một mình bà trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà **H**, không yêu cầu anh **Q** và ông **L** có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không thể trả nợ một lần, bà **L** đề nghị bà **H** cho bà **L** trả nợ dần.

Đối với bị đơn anh **Lê Huỳnh Thiên Q**: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, đã triệu tập họp lệ nhiều lần, đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh **Q** không đến tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng anh **Q** vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay anh **Q** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hiến L1**: Tại phiên tòa hôm nay ông **L1** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà **Trần Thị Minh H** đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn bà **Huỳnh Thị Yến L** đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn anh **Lê Huỳnh Thiên Q** không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại Tòa án nhiều lần nhưng không có lý do mặc dù đã được triệu tập họp lệ. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh **Lê Huỳnh Thiên Q** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hiến L1** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn: buộc bà

Huỳnh Thị Yến L trả lại cho nguyên đơn số tiền 344.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 10/01/2023 đến 10/3/2023 là 360.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 2 tháng =11.952.000 đồng; tiền lãi kể từ ngày 11/3/2023 đến ngày xét xử khấu trừ 5.000.000 đồng tiền lãi đã nhận vào ngày 17/01/2023 và tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi trả xong nợ.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông **Lê Huỳnh Thiên Q** phải có nghĩa vụ liên đới với và **Huỳnh Thị Yến L** trả nợ cho nguyên đơn.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ đối với anh **Lê Huỳnh Thiên Q**.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà **Trần Thị Minh H** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Huỳnh Thị Yến L** và anh **Lê Huỳnh Thiên Q** phải trả số tiền nợ gốc 344.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng*) là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà **Huỳnh Thị Yến L** và anh **Lê Huỳnh Thiên Q** có nơi cư trú tại **thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xét xử vắng mặt đối bị đơn anh **Lê Huỳnh Thiên Q** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hiên L1**, anh **Q** và ông **L1** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh **Q** và ông **L1** là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc giấy vay tiền đề ngày 10/01/2023 có chữ ký xác nhận bà **Huỳnh Thị Yến L** và anh **Lê Huỳnh Thiên Q**, nội dung thể hiện ngày 10/01/2023 bà **Huỳnh Thị Yến L** có vay của bà **Trần Thị Minh H** số tiền 360.000.000đ (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*), thời hạn vay và trả nợ hai bên thỏa thuận từ ngày 10/01/2023 đến ngày 30/02/2023, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng.

Thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến ngày 17/01/2023 bà **L** đã trả cho bà **H** số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và được bà **H** khấu trừ vào tiền nợ lãi. Khi đến hạn bà **H** yêu cầu bà **L** và anh **Q** trả số tiền nợ gốc còn lại, tuy nhiên cho đến ngày 10/03/2023 bà **L** mới trả được cho bà **H** số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*) và được bà **H** khấu trừ vào số

tiền nợ gốc. Bà L, anh Q không tiếp tục trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự:

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
.....”*

Do đó yêu cầu của bà Trần Thị Minh H buộc bà Huỳnh Thị Yên L phải trả số tiền nợ gốc 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Về lãi suất: Bà Trần Thị Minh H đề nghị HĐXX áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận, buộc bà Huỳnh Thị Yên L phải trả cho bà Trần Thị Minh H số tiền lãi suất cụ thể như sau:

+ Tiền lãi từ tính ngày 10/01/2023 đến 10/03/2023 là: 360.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 02 tháng = 11.952.000 đồng.

+ Tiền lãi kể từ ngày 11/03/2023 tạm tính đến 11/7/2024 là 16 tháng 19 ngày: 344.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 16 tháng x 19 ngày = 94.983.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là: 106.935.000đ (Một trăm sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bà L được khấu trừ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền lãi đã trả vào ngày 17/01/2023.

[3]. Xét nghĩa vụ trả nợ: Đối với anh Lê Huỳnh Thiên Q: Việc vay tiền của bà H và sử dụng vào mục đích kinh doanh do một mình bà Huỳnh Thị Yên L thực hiện, anh Q không tham gia vay tiền của bà H và không sử dụng tiền vay mặc dù trong giấy vay tiền ngày 10/01/2023 có chữ ký xác nhận nợ của anh Q. Điều này được cả bà H và bà L thừa nhận, do đó không có căn cứ để buộc anh Q phải có nghĩa vụ cùng với bà L trả nợ cho bà H.

Đối với ông Lê Hiền L1: Ông L1 không gia vay tiền và sử dụng số tiền đã vay của bà H nên không có căn cứ để buộc ông L1 phải có nghĩa vụ cùng với bà L1 trả nợ cho bà H.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Minh H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh H: Buộc bà Huỳnh Thị Yên L phải trả cho bà H tổng số tiền 445.935.800đ (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu

chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và nợ lãi 101.935.000đ (Một trăm lẻ một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc bà **Huỳnh Thị Yến L** phải nộp số tiền 21.837.400đ (Hai mươi một triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà **Trần Thị Minh H** số tiền tạm ứng án phí 9.422.000đ (Chín triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001712 ngày 09/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil về việc Cấm xuất cảnh đối với anh **Lê Huỳnh Thiên Q**.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

Nguyễn Thế Thắng